TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1115/2022/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 26 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 933/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Số nhà 17A, tổ 8, ấp R, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: số 49, đường 372, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Trường Giang có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, ngày 06/4/2018; các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 18/8/2018. Các đương sự thống nhất giao cho bà Trần Thị Thu T được quyền trực tiếp nuôi con chung; hai bên thoả thuận là ông Nguyễn Trường G có trách nhiệm cấp dưỡng 500.000đồng/tháng cho con chung, bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: hai bên thông nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

[5] Mỗi bên đương sự thỏa thuận chịu 150.000 đồng tiền lệ phí.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên Bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Trường G thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 49, ngày 06/4/2018 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Trường G không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Thu T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 18/8/2018. Ông Nguyễn Trường G có trách nhiệm cấp dưỡng 500.000đồng (Năm trăm ngàn đồng) mỗi tháng cho con chung, bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Trần Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Trường G chưa thi hành cấp dưỡng hoặc thi hành cấp dưỡng không đầy đủ số tiền trên, thì hàng tháng ông Nguyễn Trường G còn phải trả cho bà Trần Thị Thu T số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm thi hành cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Trường G mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, được trừ vào tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0044856 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Các đương sự đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Uỷ ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Châu Trinh